TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 02 - 5 - 2019
V/v xin ly hôn giữa anh Kh và chị T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đàm Văn Kiều.

2. Ông Đào Văn Rạng.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Quang Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định.

Ngày 02 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2019/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Ngọc Kh, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm 8, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên toà có mặt anh Kh, vắng mặt chị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 05 tháng 3 năm 2019 cũng như lời khai của anh Trần Ngọc Kh tại các buổi làm việc và tại phiên toà thể hiện: Anh và chị Phạm Thị T đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 19/12/2018 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã N, huyện N. Sau đó thì chuyển

ra ở riêng tại thị trấn R, huyện N. Vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có cách sống khác nhau, thường xuyên bất hoà, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Hai bên gia đình đã nhiều lần hoà giải nhưng không thành. Mặc dù mới kết hôn, chung sống được một thời gian ngắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ đầu tháng 02/2019, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ sinh sống, hai vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Kh xin ly hôn chị T. Về con chung, tài sản chung: Anh Kh xác định vợ chồng không có con chung, tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay chị Phạm Thị T vắng mặt (nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt) lời trình bày của chị T có trong hồ sơ thể hiện: Chị và anh Trần Ngọc Kh kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn R, huyện N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thị trấn R. Tuy nhiên chị T cho rằng bản thân hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, do anh Kh không có chính kiến, nghe lời gia đình lên vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn. Từ đầu tháng 02/2019, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã N sinh sống, từ đó hai vợ chồng sống ly thân, không còn liên lạc với nhau. Nay anh Kh có đơn xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên chị không đồng ý ly hôn với anh Kh. Về con chung, tài sản chung chị T cũng có lời khai thống nhất với anh Kh: Vợ chồng không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Ngọc Kh và chị Phạm Thị T đều có hộ khẩu thường trú tại huyện N, nay anh Kh xin ly hôn chị T Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa hôm nay chị T vắng mặt nhưng chị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T là phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Trần Ngọc Kh và chị Phạm Thị T trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn R, huyện N ngày 19/12/2018 là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, anh Kh, chị T có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do không hiểu nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm nên

thường xuyên cãi chửi nhau. Từ tháng 02/2019, chị T đã về nhà mẹ đẻ ở xã N, huyện N sinh sống, hai vợ chồng đã sống ly thân, không liên lạc gì cho đến nay. Nay anh Kh xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng được ly hôn, chị T có quan điểm muốn vợ chồng đoàn tụ và không nhất trí ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Kh và chị T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng là không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh Kh xin ly hôn xét thấy có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Trần Ngọc Kh và chị Phạm Thị T đều thống nhất xác định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Anh Trần Ngọc Kh và chị Phạm Thị T đều thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Ngọc Kh phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội.

1. Xử ly hôn giữa anh Trần Ngọc Kh và chị Phạm Thị T.

2. Án phí dân sự sơ thẩm anh Trần Ngọc Kh phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số BB/2012/06146 ngày 05/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, anh Kh đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt anh Kh, vắng mặt chị T. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án nhân dântỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND TT R;
- Lưu văn phòng; HSVA.

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương